TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 250/2025/QĐST-HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 22 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 388/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 giữa: Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Thu T, sinh năm 1997 với bị đơn: Ông Phạm Văn D, sinh năm: 1998; Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 6, khu phố T T, phường A L, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trịnh Thị Thu T và ông Phạm Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà T và ông D, có 02 con chung tên Phạm Thị Nam T, sinh ngày 11/01/2017 và cháu Phạm Trịnh Gia H, sinh năm 17/5/2020. Giao con chung là cháu Phạm Thị Nam T, sinh ngày 11/01/2017 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là cháu Phạm Trịnh Gia H, sinh năm 17/5/2020 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Bà T và ông D không tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.4. Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Án phí: Bà Trịnh Thị Thu T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011158, ngày 12/12/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Đồng Nai. Hoàn trả lại cho bà Trịnh Thị Thu T số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- Phòng THADS KV 10 -ĐN;
- VKS KV 10 -ĐN;
- UBND nơi kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Ngọc

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).